

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể thực hiện  
một số chính sách về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của  
Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 7952/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua dự thảo Nghị quyết Quy định mức  
cấp kinh phí, mức hỗ trợ kinh phí một số chính sách về lâm nghiệp trên địa bàn  
tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Nghị quyết này quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể thực hiện  
một số chính sách về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại  
các Điều 5, 6, 9, 10, 12, 13, 14, 16, 19, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP  
ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong  
lâm nghiệp.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## Điều 2. Quy định chung

1. Các xã khu vực II, III quy định tại Nghị quyết này căn cứ theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Kinh phí thực hiện các hoạt động quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách của địa phương kết hợp ngân sách Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## Điều 3. Quy định cụ thể

### 1. Cấp, hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng:

a) Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ: Mức cấp là 150.000 đồng/ha/năm theo đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5; điểm b, d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. Mức cấp là 500.000 đồng/ha/năm theo đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5; điểm a, c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: Mức hỗ trợ là 150.000 đồng/ha/năm theo đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/ha/năm theo đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

c) Kinh phí bảo vệ rừng đối với xã khu vực II, III bằng 1,2 lần mức cấp, hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ:

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: Mức cấp là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: Mức cấp là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

### 3. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc

quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Mức hỗ trợ là 8.000.000 đồng/ha.

4. Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: Mức hỗ trợ một lần là 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng.

5. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Mức hỗ trợ một lần là 400.000 đồng/ha.

6. Khoản bảo vệ rừng: Mức kinh phí khoản bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ ngân sách nhà nước là 500.000 đồng/ha/năm; đối với diện tích rừng thuộc các xã khu vực II, III bằng 1,2 lần mức kinh phí khoản nêu trên.

7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống, nhưng tối đa theo mức quy định tại các điểm b, c và d khoản này.

b) Hỗ trợ 55.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> trở lên.

c) Hỗ trợ 3.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm.

d) Hỗ trợ 200.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.

8. Hỗ trợ trồng cây phân tán: Mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha); trong đó, 93% kinh phí để hỗ trợ mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; 7% kinh phí để tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3, Điều 4 Quy định về một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định về một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, như sau:

### **“Điều 5. Hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng**

*Hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư phát triển Đại Thành, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Đắk Will quản lý, mức hỗ trợ 150.000 đồng/ha.”.*

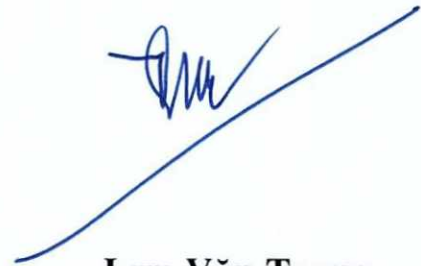
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để quy định Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 12 thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT, HĐND, HC-TC-QT, HSKH. *ph*

#### **CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**